

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN HẠN DÀI**  
**TỈNH AN GIANG**  
**(Tháng 12/2024, từ ngày 01/12 đến ngày 31/12/2024)**

**1. Nhận xét tình hình thủy văn tháng 11/2024 (Từ ngày 01÷30/11/2024)**

Trong tháng 11/2024, mực nước các trạm thượng nguồn sông Mekong khu vực từ dưới Kratie tiếp tục xuống. Mực nước cao nhất tháng tại Kratie ở mức thấp hơn cùng kỳ 2023 khoảng 0.35m và cao hơn 0.60m so với trung bình nhiều năm (TBNN); khu vực dưới Kratie, mực nước cao nhất tháng tại hầu hết các trạm ở mức thấp hơn cùng kỳ 2023 từ 0.60-0.80m, xấp xỉ và thấp hơn TBNN từ 0.40-0.60m.

Mực nước trên các sông, kênh trong tỉnh An Giang dao động theo triều với xu thế xuống dần, khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX) còn chịu ảnh hưởng lượng mưa nội vùng và quy trình vận hành công trình thủy lợi.

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc và vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên, mực nước cao nhất xuất hiện trong những ngày đầu tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện vào cuối tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất tháng tại các trạm ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ 2024 từ 0.05-0.50m.

Vùng hạ lưu sông trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất tháng ở mức dưới BĐIII 0.06m, trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới ở mức dưới BĐII 0.08m.

Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX), mực nước tại hầu hết các trạm đạt giá trị cao nhất trong những ngày đầu tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện trong ngày cuối tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất đều thấp hơn cùng kỳ 2023 từ 0.05-0.65m. Trên kênh Tri Tôn tại Cô Tô, mực nước cao nhất tháng đạt mức trên BĐI 0.12m; trên kênh Ba Thê tại Vọng Thê, mực nước cao nhất đạt dưới BĐII 0.16m; trên kênh Rạch Giá – Long Xuyên, mực nước cao nhất đạt mức dưới BĐII 0.18m.

**2. Dự báo thủy văn tháng 12/2024 (Từ ngày 01÷31/12/2024)**

Trong tháng 12/2024, mực nước thượng nguồn sông Mekong tiếp tục xuống, tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long qua Tân Châu, Châu Đốc có khả năng ở mức xấp xỉ và thấp hơn TBNN khoảng 05-10%

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An và Châu Đốc, mực nước dao động theo triều với xu thế tiếp tục xuống dần, mực nước cao nhất có khả năng xuất hiện trong những ngày đầu tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện vào cuối tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ 2023 từ 0.05-0.30m.

Khu vực nội đồng TGLX, mực nước trên các sông, kênh, rạch tiếp tục xuống chậm, mực nước cao nhất có khả năng xuất hiện trong tuần đầu tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện vào cuối tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất trong tháng đều ở mức thấp hơn cùng kỳ 2023 từ 0.05-0.30m.

3. Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo:

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch    | Đặc trưng | Mực nước (H) thực đo từ ngày 01/11 đến ngày 30/11 |              |                     | Mực nước (H) dự báo từ ngày 01/12 đến ngày 31/12 |              |                     |
|-----|------------|---------------------|-----------|---------------------------------------------------|--------------|---------------------|--------------------------------------------------|--------------|---------------------|
|     |            |                     |           | Ngày xuất hiện                                    | Trị số H (m) | So với cùng kỳ 2023 | Ngày xuất hiện                                   | Trị số H (m) | So với cùng kỳ 2023 |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                | Max       | 02/11                                             | 2.66         | -0.08               | 04/12                                            | 1.93         | -0.03               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.68         | -0.19               | 31/12                                            | 0.10         | -0.18               |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chưởng          | Max       | 03/11                                             | 2.42         | -0.04               | 04/12                                            | 1.91         | -0.02               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.45         | -0.07               | 31/12                                            | -0.10        | -0.20               |
| 3   | Khánh An   | Hậu                 | Max       | 02/11                                             | 3.28         | -0.49               | 01/12                                            | 1.88         | -0.31               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 1.43         | -0.37               | 31/12                                            | 0.75         | -0.15               |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                 | Max       | 03/11                                             | 2.65         | -0.08               | 04/12                                            | 2.02         | -0.05               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.63         | -0.25               | 31/12                                            | 0.10         | -0.17               |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                 | Max       | 02/11                                             | 2.44         | 0.05                | 04/12                                            | 2.00         | 0.02                |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.36         | -0.11               | 31/12                                            | -0.15        | -0.19               |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao             | Max       | 02/11                                             | 2.45         | -0.04               | 04/12                                            | 1.95         | -0.01               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.47         | -0.14               | 31/12                                            | -0.08        | -0.18               |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế             | Max       | 01/11                                             | 2.11         | -0.65               | 01/12                                            | 0.79         | -0.19               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.53         | -0.35               | 31/12                                            | 0.20         | -0.08               |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế             | Max       | 01/11                                             | 1.27         | -0.23               | 01/12                                            | 0.53         | -0.10               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.45         | -0.07               | 31/12                                            | 0.18         | -0.10               |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn             | Max       | 05/11                                             | 1.54         | -0.26               | 01/12                                            | 0.84         | -0.16               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.52         | -0.27               | 31/12                                            | 0.20         | -0.14               |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn             | Max       | 04/11                                             | 1.52         | -0.13               | 01/12                                            | 0.88         | -0.15               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.61         | -0.33               | 31/12                                            | 0.25         | -0.26               |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn            | Max       | 01/11                                             | 1.27         | -0.12               | 01/12                                            | 0.51         | -0.11               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.40         | -0.12               | 31/12                                            | 0.15         | -0.12               |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê              | Max       | 05/11                                             | 1.64         | -0.05               | 01/12                                            | 1.07         | -0.12               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.84         | -0.17               | 31/12                                            | 0.40         | -0.26               |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc Năng Gù    | Max       | 04/11                                             | 1.96         | -0.20               | 01/12                                            | 1.44         | -0.13               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.86         | -0.25               | 31/12                                            | 0.40         | -0.27               |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá Long Xuyên | Max       | 05/11                                             | 1.62         | -0.03               | 01/12                                            | 1.08         | -0.10               |
|     |            |                     | Min       | 30/11                                             | 0.73         | -0.19               | 31/12                                            | 0.35         | -0.21               |

Tin phát lúc 16h00' ngày 01/12/2024

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

DBV Thủy văn: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan